TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

Số: 478 /NĐND-KHĐTVT
V/v báo giá vật tư thiết bị và dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các nhà quan tâm

Trước hết Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV cảm ơn sự hợp tác của Quýđơn vị. Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV có kế hoạch thực hiện việc lập dự án Đầu tư hệ thống giám sát phát thải ống khói NMNĐ Na Dương.

Bằng văn bản này Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV thông báo và mời Quý đơn vị tham gia báo giá với những nội dung cụ thể như sau:

Bằng năng lực, kinh nghiệm của đơn vị đề nghị báo giá vật tư và dịch vụ để Đầu tư hệ thống giám sát phát thải ống khói NMNĐ Na Dương cho Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV đảm bảo theo quy định pháp luật môi trường theo.

Chi tiết PL kèm theo.

I. Yêu cầu đối với phần vật tư:

1. Danh mục; đặc tính, thông số kỹ thuật; số lượng vật tư: chi tiết theo Phụ lục 1. Danh mục, khối lượng vật tư đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ, đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư:

- Vật tư báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, bao gồm: tên vật tư; ký mã hiệu; quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư; thời gian bảo hành; địa điểm và tiến độ giao hàng;
- Đề nghị nhà cung cấp báo giá cho toàn bộ khối lượng vật tư theo yêu cầu của văn bản mời báo giá.

II. Yêu cầu đối với phần dịch vụ:

- Danh mục, khối lượng dịch vụ; yêu cầu kết quả đầu ra đối với các công việc dịch vụ: chi tiết theo Phụ lục 2. Danh mục, khối lượng dịch vụ đề nghị báo giá đính kèm.

- Nhà cung cấp có thể khảo sát các thang máy lò hơi của NMNĐ Na Dương để phục vụ việc báo giá các công việc dịch vụ được chính xác;
- Đề nghị nhà cung cấp báo giá cho toàn bộ khối lượng dịch vụ theo yêu cầu của văn bản mời báo giá.

III. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp *(kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác)*;
- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước *(thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, dịch vụ báo giá)*;

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV *(Địa chỉ: khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn)*;

- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Nhà máy nhiệt điện Na Dương *(Địa chỉ: khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn)*;

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.

- Thời gian triển khai dự án: 2025-2026.

IV. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 14 giờ 30 phút ngày 12 tháng 03 năm 2025.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV *(Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax: 02053.844.132; E-mail: naduong@vinacominpower.vn và E-mail: kehoachndpc@gmail.com)*.

(Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua fax và e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

** Trường hợp trong báo giá của các nhà cung cấp thiếu các thông tin (hoặc thông tin cung cấp không rõ ràng) theo yêu cầu tại mục I, mục II và mục III của văn bản này, để có cơ sở xem xét báo giá của các nhà cung cấp, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV có thể yêu cầu các nhà cung cấp làm rõ, bổ sung các thông tin cần thiết.*

Mọi thắc mắc xin liên hệ: Ông Nguyễn Duy Thảo

Chức vụ; Phó trưởng phòng KHĐTVT

SĐT: 0986761888.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đơn vị./.

Nơi nhận:
- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, b/c);
- PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT (e-copy);
- Lưu VT, KHĐTVT, Th.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Trần Việt Anh

PHỤ LỤC. KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Dự án: Đầu tư hệ thống giám sát phát thải ống khói NMNĐ Na Dương

STT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật (thông số kỹ thuật thiết bị tương đương)	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Vật tư, thiết bị chính				
1,1	Thiết bị đo nhiệt độ	Mã hiệu: TM131; Hãng sản xuất: Endress+Hauser (hoặc tương đương)	Bộ	1	
		- Loại cảm biến nhiệt điện trở			
		- Dải đo: -200 °C ~ 600°C;			
		- Tín hiệu đầu ra: tương tự 4 ~ 20mA.			
1,2	Thiết bị đo áp suất	Mã hiệu: PMP51; Hãng sản xuất: Endress+Hauser (hoặc tương đương)	Bộ	1	
		- Dải đo áp suất khí thải: 0 ~ 200 kPa hoặc 0 ~ 2000 mbar (cho phép sai lệch ±5%);			
		- Tín hiệu đầu ra: tương tự 4-20mA.			
1,3	Thiết bị đo lưu lượng	Mã hiệu: FLOWSICK100, Hãng sản xuất: Endress+Hauser /Đức (hoặc tương đương)	Bộ	1	
		- Nguyên lý hoạt động: siêu âm			
		- Vận tốc khí: 0 ... ± 40 m/s			
		- Độ chính xác: ± 0,1 m/s			
		- Độ lặp lại:			
		+ Với vận tốc < 2 m/s: ± 0.02 m/s			
		+ Với vận tốc > 2 m/s: ± 1%			
		- Vật liệu: Vật liệu đầu dò: Titan, vật liệu đầu dò: 316Ti			
		- Nhiệt độ môi trường: –40 °C ... +60 °C			
		- Nhiệt độ khí: –40 °C ... +260 °C			
		- Áp suất vận hành: –100 hPa ... 100 hPa			
		- Tải lượng bụi: 1000 mg/m³			
		- Ngõ ra tín hiệu 4-20 mA, Modbus			
		- Cấp bảo vệ: IP65			
		- Thiết bị khuyến khích: đạt chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA hoặc có xác nhận, tuyên bố đáp ứng/phù hợp với chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA			
		Mã hiệu: SB30; Hãng: Endress+Hauser /Đức (hoặc tương đương)			

1. 4	Thiết bị đo bụi	- Nguyên lý hoạt động: Ánh sáng tán xạ ngược, Cường độ ánh sáng tán xạ, nồng độ bụi (theo phép đo so sánh trọng lượng) - Dải đo: 0 ... 1000 mg/m3 - Cường độ ánh sáng tán xạ: 0…7.5 SI/0…3.000 SI - Dải quang phổ: 640 nm ... 660 nm, Laser, lớp bảo vệ 2, công suất < 1 mW - Độ chính xác: ± 2% toàn dải đo - Độ lặp lại: 0.1 % - Nhiệt độ khí: –40 °C ... +600 °C - Thời gian đáp ứng ≤60 giây - Ngõ ra tín hiệu 4-20 mA, Modbus - Cấp bảo vệ: IP66 - Thiết bị khuyến khích: đạt chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA hoặc có xác nhận, tuyên bố đáp ứng/phù hợp với chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA	Bộ	1	
1. 5	Thiết bị phân tích đa chỉ tiêu CO, SO2, NOX, O2	Thiết bị khuyến khích: đạt chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA hoặc có xác nhận, tuyên bố đáp ứng/phù hợp với chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA	Hệ thống	1	
1.5.1	Modul phân tích các thành phần khí	Model: EL3020; Hãng: ABB (hoặc tương đương) - Đo đồng thời liên tục các chỉ tiêu SO2; NOx; CO2; CO; O2 - Dải đo NOx: 0÷≥2730 mg/Nm3; SO2: 0÷≥2100 mg/Nm3; CO: 0÷5000 mg/Nm3; CO2: 0÷20%; O2: 0÷25% - Độ tuyến tính: +-2% toàn dải đo - Độ lặp: 1% toàn dải đo Độ trôi (điểm không): ±2% toàn dải đo/tháng - Độ chính xác: đối với SO2; NOx; CO2; CO là ±2% giá trị đọc; đối với O2 là ±0.5% giá trị đọc. - Thời gian đáp ứng: ≤200 giây - Độ phân giải: đối với SO2; NOx; CO2; CO là ±1ppm; đối với O2 là ≤0.1% V - Tín hiệu ra: chuẩn truyền dẫn 4-20mA hoặc modbus - Chức năng: có khả năng hiệu chỉnh Zero và Span) bằng khí chuẩn	Bộ	1	

		- Hiển thị: hiển thị bằng màn hình LCD hoặc máy tính			
		- Nguồn cấp: 100-230VAC, 50Hz.			
1.5.2	Hệ thống lấy mẫu	* Ống lấy mẫu:	Bộ	1	
		Mã hiệu: Probe type 40; Hãng sản xuất: ABB (hoặc tương đương)			
		- Chiều dài: 0,5m;			
		- Kết nối: ren G3/4.			
		* Bộ lọc và sấy mẫu:			
		Mã hiệu: PFE3; Hãng sản xuất: ABB (hoặc tương đương)			
		- Kết nối khí fitting 6mm;			
		- Kết nối probe 40 ren G3/4;			
		- Kết nối mặt bích: DN65 PN6.			
1.5.3	Dây dẫn mẫu có sấy	Dây dẫn khí có giám sát nhiệt độ	Bộ	1	
		- Chiều dài 50m;			
		- Ống dẫn khí đường kính 6mm, vật liệu PTFE (bao gồm dây gia nhiệt bằng điện) được bọc bảo ôn;			
		- Nguồn cấp cho dây sấy: 230VAC, 50~60Hz;			
		- Có sensor pt 100 để giám sát nhiệt độ sấy của dây.			
1.5.4	Hệ thống xử lý mẫu	* Bộ làm lạnh mẫu:	Bộ	1	
		Mã hiệu: SCC-C; Hãng sản xuất: ABB (hoặc tương đương)			
		- Kiểu lắp đặt: Loại gắn bảng;			
		- Lưu lượng mẫu: ≥125l/h;			
		- Có giám sát và hiển thị nhiệt độ mẫu;			
		- Bao gồm 2 bơm hút nước ngưng tụ ở đáy của bộ trao đổi nhiệt;			
		- Chất làm lạnh: R134a;			
		- Nguồn điện sử dụng: 230VAC, 50~60Hz.			
		* Bộ bơm mẫu:			
		Mã hiệu: SCC-F; Hãng sản xuất: ABB (hoặc tương đương)			
		- Kiểu lắp đặt: Loại gắn bảng;			
		- Lưu lượng mẫu: ≥ 100 l/h;			
		- Nguồn điện sử dụng: 230VAC, 50~60Hz.			
		* Phin lọc Axit:			
		Mã hiệu: 8018419; Hãng sản xuất: ABB (hoặc tương đương)			
1.5.5	Bộ chuyển đổi NOx	- Chuyển đổi NO2 thành NO;	Bộ	1	
		- Sử dụng tấm xúc tác + Nhiệt độ cao.			
		- Kích thước: Cao 2000mm x Rộng 800mm x Sâu 800mm			

1.5.6	Tủ quan trắc	- Vật liệu vỏ tủ: Thép sơn tĩnh điện; độ dày vỏ 2 ± 0,2mm; - Nguồn cấp: 230VAC, 50-60Hz - Công suất không gồm dây sấy : 3000VA - Bố trí: Nguồn cấp/tín hiệu phải, Thiết bị giữa, Kết nối khí trái.	Bộ	1	
1,6	Tủ truyền thông	- Loại treo tường, vỏ sơn tĩnh điện - Kích thước: 450x300x600 (mm) kèm theo các phụ kiện: + Bộ nguồn: 24VDC, 60W; + Quạt hút (có cửa chống côn trùng); + Đèn chiếu sáng tuyp Led 600; + Cầu đấu; + Thanh tiếp địa (đồng nguyên chất, chân sứ).	Tủ	1	
1,7	Thiết bị cắt lọc sét	- Điện áp hoạt động 220VAC - Dòng chịu tải tới 40A - Khả năng chịu xung tới 200kA ở dạng sóng 8/20µs	Bộ	1	
1,8	Bộ lưu điện UPS	- Kiểu UPS Online, công suất tối thiểu 10 KVA (pin ngoài) có Khả năng cấp nguồn cho các thiết bị chính trong vòng 30 phút. - Số pha: Vào 1 pha, ra 1 pha - Điện áp đầu ra: 220± 1% VAC; 50/60Hz ±0.1%; hệ số công suất ≥0.9 - Dải điện áp đầu vào: 110-300 VAC; 46 – 54Hz; 50Hz; hệ số công suất ≥0.99			
1,9	Thiết bị truyền nhận dữ liệu (Datalogger)	Model: D-Logger 22; Hãng sản xuất: Deahan (hoặc tương đương) - 12 đầu vào analog 4-20mA cách ly điện; - 01 đầu ra analog 4-20mA cách ly điện; - 16 đầu vào số cách ly điện 10-30 VCD; - 12 đầu ra số cách ly điện 10-30 VCD; - 01 cổng giao tiếp SDI; - Cổng Ethernet 2xRJ45, 10/100Mbps , Modbus TCP/IP; - Cổng Modbus RTU (RS485) cách ly điện ; - 02 khe cắm thẻ SIM , 01 khe cắm thẻ nhớ ngoài SD;	Bộ	1	

		- Màn hình: LCD 5inch, độ phân giải 240x128 pixel.			
1,1	Hệ thống camera giám sát	- Camera giám sát (loại IP, 2 bộ): trong nhà trạm (1 bộ), điểm đo lấy mẫu trên ống khói (1 bộ).	Hệ thống	1	
		+ Độ phân giải: 4.0 Megapixel.			
		- Đầu ghi hình camera IP 8 kênh: 01 bộ (lưu trữ dữ liệu camera ≥ 3 tháng).			
1,11	Mở rộng nhà trạm quan trắc cũ	- Cải tạo nhà đặt thiết bị trạm quan trắc cũ có kích thước 4.25x3.6x3m thành kích thước 4,25x5,6x3m (xây mở rộng thêm 8,5m2).	Cái	1	
		- Thay thế toàn bộ mái nhà trạm cải tạo bằng tôn xốp cách nhiệt chống nóng bao gồm ốp nóc và ốp sườn.			
		- Sơn lại toàn bộ nhà trạm bằng sơn màu xanh dương.			
		- Thay thế cửa chính bằng cửa nhôm Xingfa (hệ 55 dày 1.4mm, độ dày kính 6.38mm 02 lớp) kích thước 1000x2000mm (bao gồm 02 cánh + khóa).			
		- Thay thế cửa sổ bằng cửa nhôm Xingfa (hệ 55 dày 1.4mm, độ dày kính 6.38mm 02 lớp) kích thước 1000x1200mm.			
		- Lắp đặt lại toàn bộ hệ thống điện chiếu sáng, ổ cắm, quạt thông gió cho phù hợp với nhà trạm.			
1,12	Điều hòa	- Loại: Treo tường, 1 chiều	Bộ	1	
		- Nguồn điện 220VAC, tần số 50Hz			
		- Công suất: 12.000 BTU.			
		- Sử dụng gas R32 hoặc R410			
1,13	Hệ thống chiếu sáng tại điểm lấy mẫu	- Đèn pha LED: 100W (2 cái);	Hệ thống	1	
		+ Nguồn điện 220VAC, tần số 50Hz			
		+ Cấp bảo vệ IP66			
		- Dây điện 2x2.5mm2, 0,6/1kV: 200m.			
1,14	Máy tính tại trạm	- CPU: Tối thiểu Intel Core i5-9100;	Bộ	1	
		+ Tốc độ tối thiểu của CPU: 3.60 GHz;			
		+ Bộ nhớ đệm tối thiểu: 6MB;			
		- Ổ cứng SSD: dung lượng ≥500Gb;			
		- Chuột có dây kết nối chuẩn USB;			
		- Bàn phím có dây kết nối chuẩn USB;			
		- Hệ điều hành: tối thiểu Window 10 pro trở lên có bản quyền của hãng Microsoft.			
		- Màn hình: Loại LCD, 20inch.			
2	**Vật tư phụ**				

2,1	Card chia dòng	Mini MCR-BL-I-2I của hãng Phoenix Contact	Bộ	8	
2,2	Cáp nguồn	Cáp nguồn CU/PVC/PVC-3x10mm2	m	50	
2,3	Cáp nguồn	Cáp nguồn CU/PVC/PVC-3x6mm2	m	20	
2,4	Cáp nguồn	Cáp nguồn CU/PVC/PVC-3x2,5mm2	m	150	
2,5	Cáp tín hiệu	Cáp tín hiệu 8 cặp x 1.5mm2, có sợi chống nhiễu, vỏ đen, lõi màu trắng/đen	m	100	
2,6	Máng cáp kèm nắp	Máng cáp 75Wx50Hx1.5T, mạ kẽm, có đục lỗ	m	120	
2,7	Ống ruột gà sắt D25	Ống ruột gà sắt D25	m	100	
2,8	Ống luồn cáp	Ống luồn cáp EMT 3/4" trơn, mạ kẽm	m	30	
2,9	Măng sông	Măng sông nối ống EMT 3/4" trơn mạ kẽm	Cái	10	
2,1	Ống ruột gà	Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa phi 20	m	10	
2,11	Ống khí nén	Ống khí nén D21, dày 2.3mm, mạ kẽm	m	54	
2,12	Van khí nén	Van khí nén D21, đồng, dạng tay gạt	cái	5	
2,13	Mặt bích cho đầu trích mẫu	Mặt bích Inox 304 kèm ống hàn mặt bích	cái	1	
2,14	Mặt bích cho thiết bị đo bụi	Mặt bích Inox 304 kèm ống hàn mặt bích	cái	2	
2,15	Mặt bích cho thiết bị đo lưu lượng	Mặt bích Inox 304 kèm ống hàn mặt bích	cái	2	
2,16	Mặt bích cho thiết bị đo nhiệt độ	Mặt bích Inox 304 kèm ống hàn mặt bích	cái	1	
2,17	Mặt bích cho thiết bị đo áp suất	Mặt bích Inox 304 kèm ống hàn mặt bích	cái	1	
2,19	Mặt bích mù cho lỗ quan trắc định kỳ	Mặt bích Inox 304 kèm ống hàn mặt bích	cái	2	
2,2	Thép U100x50x5 mạ kẽm	Thép U100x50x5 mạ kẽm	m	20	
2,21	Thép V50x50x4 mạ kẽm	Thép V50x50x4 mạ kẽm	m	50	
2,22	Thanh chống đa năng đục lỗ U41x41x2.5 mm	Thanh chống đa năng đục lỗ U41x41x2.5 mm	m	30	
3	**Lắp đặt**				
3,1	Dịch vụ lắp đặt, căn chỉnh, truyền nhận dữ liệu	- Thi công, lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống; - Cấu hình, truyền dữ liệu về Sở TNMT và Nhà máy; - Đào tạo, hướng dẫn vận hành đưa vào sử dụng.	Gói	1	
3,2	Kiểm định/Hiệu chuẩn/Báo cáo đánh giá hệ thống thực hiện bởi cơ quan chức năng		Gói	1	

3,3	Kết nối dữ liệu, cấu hình hiển thị số liệu lên màn hình LED cổng bảo vệ		Gói	1	